TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **438/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2023
V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Mai Xuân Hoa**
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Phi Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Ông Trần Hoàng Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2023/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc: Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa 63/QĐ-HPT ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Bà Vũ Thị D,*** sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: số 10 ngách 1 ngõ 158 Tr Đ, phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Bà D có mặt.

Bị đơn: ***Ông Đỗ Xuân H***, sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: số 10 ngách 1 ngõ 158 Tr Đ, phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 03/02/2023 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Vũ Thị D trình bày:

Bà và ông Đỗ Xuân H tự do tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 19/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Bà cũng đã khuyên bảo nhiều

nhưng ông H không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Kể từ năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân, không chúng sống cùng nhau nữa, ông H ra ở tạm tại cửa hàng inox. Hai bên không còn quan tâm tình cảm với nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

-Về con chung: Bà xác nhận có 02 con chung là: Đỗ Đức Th, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Đức Th1, sinh ngày 20/02/2014. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng bà, bà là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Trường hợp ly hôn bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung để đảm bảo việc ổn định cuộc sống cho các con, bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Bà D hiện đang kinh doanh tự do, có bình quân thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Từ khi sống ly thân đến nay, bà và các con chung sinh hoạt ổn định, các con học hành tốt.

- Về tài sản, nhà ở chung: Bà xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Bà xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

<u>Tại Bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, Bị đơn là ông Đỗ Xuân H trình bày:</u>

Ông và bà D tự do tìm hiểu, được sự đồng ý của 2 bên gia đình có tổ chức cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 19/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông đã có sai lầm khi chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng và cuộc sống của con cái. Tuy nhiên hiện nay ông đã tu chí làm ăn và vẫn còn yêu thương vợ con rất nhiều. Ông mong muốn vợ bỏ qua những việc mâu thuẫn cũ để gia đình được đoàn tụ. Thời điểm năm 2020, ông có dọn ra ngoài cửa hàng buôn bán inox của mình để ở tạm, việc này là ông làm theo ý kiến của bà D, tuy nhiên hàng ngày ông vẫn về đưa các con đi học.

Ông xác định tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt, nhưng ông nghĩ hiện các con còn quá nhỏ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái, đồng thời qua thời gian cùng với sự vun vén của hai bên gia đình sẽ bù đắp được tình cảm vợ chồng. Đây là mong muốn của ông nhưng hiện nay ông H cũng chưa có phương án giải quyết nào cụ thể. Ông được Tòa án thông báo bà D xin ly hôn

thì ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà D vẫn cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Đức Th, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Đức Th1, sinh ngày 20/02/2014. Hiện nay, các cháu đang ở với bà D. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý để bà D nuôi dưỡng cả hai cháu, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nhà ở chung: Ông xác nhận vợ chồng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Ông xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà D vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Bà xin ly hôn với ông H để được ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, bà vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Anh Đỗ Xuân H vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn, ông thừa nhận mình đã có sai lầm, tuy nhiên ông đang cố gắng thay đổi, tu chí làm ăn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung. Trường hợp phải ly hôn, trước đây ông H đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông có mong muốn được nuôi 01 con chung. Ông xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D. Về con chung, giao con chung là cháu Đỗ Đức Th, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Đức Th1, sinh ngày 20/02/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ: Bà D, ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xét. Về án phí, bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] <u>Về tố tụng</u>:

Tại các tài liệu khác trong hồ sơ thể hiện Bị đơn là ông Đỗ Xuân H có địa chỉ thường trú tại số 10 ngách 1 ngõ 158 Tr Đ, phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] <u>Về nội dung vụ án</u>:

2.1. *<u>Về hôn nhân</u>:* Bà Vũ Thị D và ông Đỗ Xuân H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 19.10.2011 tại UBND phường Tr Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà D tha thiết xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và tính cách, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng. Trong quá trình chung sống, ông H đã có nhiều sai sót, chơi bời, dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng đến vợ con, bà D đã cho ông H cơ hội nhưng đến nay ông H vẫn chưa thay đổi. Mâu thuẫn đã nghiêm trọng nên vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ở cùng nhau một thời gian dài từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã không sống cùng nhau một thời gian dài. Qua trao đổi thấy rằng từ thời điểm năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, sau đó ông H cũng đã chuyển ra ngoài sinh sống, mặc dù hàng ngày ông H vẫn về qua nhà để đưa đón, chăm sóc con chung. Vợ chồng ông bà đã ly thân với nhau được một thời gian dài.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà D và ông H đã được Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không thành, bà D vẫn mong muốn và yêu cầu xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, ghi ý kiến của bà Đỗ Thị Bích Ngọc (là em gái ông H), bà Vũ Thị P (em gái bà D), Bà Vũ Thị D (mẹ của bà D), các cá nhân trên đều cơ bản trình bày: Ông H, bà D kết hôn từ năm 2011, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do ông H mải chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà D cũng đã trả nợ cho ông H một vài lần, tuy nhiên đến nay ông H vẫn chưa thật sự thay đổi, do đó làm ảnh hưởng đến vợ con nhiều. Ông H, bà D cũng đã ly thân, không ở cùng nhau một thời gian dài, hai bên gia đình cũng cố gắng khuyên giải nhiều nhưng không thành.

Xét thấy, bà D, ông H đã không còn duy trì cuộc sống chung vợ chồng được một thời gian, hai vợ chồng không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà D xin ly hôn ông H là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông H.

2.2. *Về con chung:* Bà D và ông H cùng xác nhận có hai con chung là: Đỗ Đức Th, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Đức Th1, sinh ngày 20/02/2014. Trường hợp ly hôn, bà D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung như hiện tại để đảm bảo sự ổn định cho các cháu. Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại các lời khai trước đây, ông H đồng ý cho bà D được nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H mong muốn được nuôi dưỡng 01 con chung.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi vợ chồng ly thân, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, sinh sống cùng các con chung là Đỗ Đức Th và Đỗ Đức Th1, các cháu phát triển bình thường, học tập tốt. Bà D có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Ông H không ở cùng con chung nhưng hàng ngày vẫn về đưa đón, chăm nom cho các con. Tuy nhiên, hiện nay ông H chưa có chỗ ở ổn định, thu nhập, sức khỏe không tốt, khó đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu Th và cháu Th1 cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyện vọng của bà D được trực tiếp chăm sóc cả hai con chung, giữ nguyên việc chăm sóc con chung như hiện nay là chính đáng, có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Đỗ Đức Th và Đỗ Đức Th1 cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, điều này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Ông bà xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. *Về công nợ:* Ông bà xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà D, ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị D đối với ông Đỗ Xuân H. Bà D được ly hôn với ông H.

2. *Về con chung:* Bà Vũ Thị D và ông Đỗ Xuân H có hai con chung tên là Đỗ Đức Th, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Đức Th1, sinh ngày 20/02/2014.

Giao hai con chung là Đỗ Đức Th, Đỗ Đức Th1 cho bà Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông H cho đến khi bà D có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Bà D, ông H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về công nợ*: Bà D, ông H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Bà Vũ Thị D phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0013344 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Vũ Thị D, ông Đỗ Xuân H. Bà D, ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q.Hai Bà Trưng;*
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;*
- *UBND P.Tr Đ, Q.H B Tr, Hà Nội*

(Giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 19/10/2011)
- *Lưu HS,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**